Triều Nguyễn và họ Mạc ở Hà Tiên

TS. Huỳnh Ngọc Đáng[1]

Mạc Cửu lấy vợ người Việt là bà Bùi Thị Lẫm, người quê Đồng Môn, Biên Hòa sinh ra con trai là Mạc Thiên Tứ. Gia phả họ Mạc không ghi rõ Thiên Tứ có còn anh chi em nào khác hay không. Chỉ biết chắc chắn rằng Thiên Tứ là người lai, cha Hoa mẹ Việt và sinh ra trên đất Việt Nam. Thiên Tứ nối nghiệp cha, xây dựng Hà Tiên thành một nơi đô hội trong vùng và luôn hết lòng trung thành, tận tuỵ với chúa Nguyễn. Năm Canh Tý (1780), lúc lánh nạn trên đất Xiêm, bị vua Xiêm nghi ngờ và bức hại, Thiên Tứ đã tự vẫn, 53 người con cháu của ông cũng đã bị người Xiêm giết.

Cũng như cha, Thiên Tứ lấy vợ là một người Việt Nam họ Nguyễn, không rõ tên. Các con trai gái của Thiên Tứ và Nguyễn phu nhân là Tử Hoàng, Tử Thượng , Tử Dung (trai) và 3 con gái là Thị Long, Thị Hai và Thị Giác. Các bà thiếp sau của Thiên Tứ có mấy người con nữa là Tử Sanh, Tử Tuấn và Tử Thiêm. Cháu nội của Thiên Tứ có hai nhánh, một là hai dòng con của bà chính và bà thứ của Tử Hoàng là Công Bá, Công Trụ, Công Bính (dòng chính) và Công Du, Công Tài (dòng thứ); hai là nhánh con của Tử Thượng chỉ có Công Thê. Trong sự cố ở Xiêm, con cháu họ Mạc chỉ còn có ba người con nhỏ của Mạc Thiên Tứ là Tử Sanh, Tử Tuấn, Tử Thiêm, các cháu là Công Bính, Công Du, Công Thê, Công Tài còn sống sót, sau trở về Việt Nam. Như vậy là các con trai của của Thiên Tứ với phu nhân Nguyễn Thị đều bị người Xiêm giết, chỉ còn lại cháu nội. Thế hệ cháu đời thứ năm của Mạc Cửu là Mạc Hầu Hi, Mạc Hầu Diệu và Mạc Hầu Phong; cháu đới thứ sáu là Bá Bình và Bá Thành.

Theo Đông Hồ Lâm Tấn Phác vì cháu đời thứ bảy của Mạc Cửu là Mạc Tử Khâm không có con nên dòng họ Mạc đến 7 đời là hết. Nhưng theo Thực

[1] Hội Khoa học Lịch sử Bình Dương. Email: huynhngocdang@gmail.com

Lục thì năm Tự Đức thứ 5 (1845), theo lời tâu của Trương Đăng Quế, nhà vua đã sai người tìm hỏi về con cháu của Mạc Thiên Tứ. Quan tỉnh Hà Tiên là Nguyễn Lương Nhàn đã tìm chọn được dòng dõi chính là Mạc Văn Phong, được chuẩn cho ấm thụ Chánh thất phẩm, chánh đội trưởng, theo theo làm việc ở Hà Tiên.

Thời chúa Nguyễn, họ Mạc đã được nhiều ân sủng của chính quyền Đàng Trong.

Chúa Nguyễn đã ban cấp cho họ Mạc ba chiếc Long thuyền, được đời đời nối chức Đô đốc Hà Tiên và quy chế gần như một thuộc địa tự trị của trấn Hà Tiên-một trấn duy nhất của Đàng Trong (12 dinh, 1 trấn). Lại được nhà chúa phong cho "thất diệp phiên hàn" (Thiên, Tử, Công, Hầu, Bá, Tử, Nam) làm chữ lót và lấy 5 chữ của ngũ hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ) ghép vào chữ tên. Đây là một vinh hạnh ngút trời mà chưa chắc người Việt Nam nào có.

Các vua triều Nguyễn sau này, nhìn chung cũng rất quan tâm đến con cháu của họ Mạc. Hầu như ở 7 đời họ Mạc, đời nào cũng được triều Nguyễn và các liệt tổ liệt tông của họ Nguyễn gia phong chức tước, phẩm hàm.

Mạc Cửu được Túc Tông hoàng đế tặng phong Khai Trấn Thượng Trụ Quốc Đại Tướng Quân Vũ Nghị Công. Đến năm 1822, vua Minh Mạng tặng phong Thụ công thuận nghĩa trung đẳng thần.

Mạc Thiên Tứ được chúa Nguyễn phong Hà Tiên Trấn Đô Đốc, năm 1739, lập công được gia phong đặc cách là Đô đốc Tướng quân, ban cho áo bào đỏ và mũ, đai; vợ là Nguyễn Thị cũng được phong làm Phu nhân. Năm Minh Mạng thứ 3 (1822), được vua phong Đạt nghĩa chi thần.

Mạc Tử Sanh, năm 1874, ở Vọng Các, được Nguyễn Ánh phong làm Tham tướng hộ giá. Năm 1787, khi Nguyễn Ánh chiếm được Gia Định, Sanh được giao lưu giữ Hà Tiên, năm sau chết được Nguyễn Ánh tặng đặc tiến Phụ quốc thượng tướng quân, Cẩm y vệ chưởng vệ sự, Đô đốc chưởng cơ. Năm Minh Mạng thứ 3 (1822) được vua phong Trung nghĩa chi thần.

Mạc Tử Thiêm, năm 1799, về Gia Định, được Nguyễn Ánh giao chức Khâm sai thống binh cai cơ, sau thay Công Bính làm Hà Tiên Trấn thủ. Năm Gia Long thứ 4 (1805), thăng Khâm sai chưởng cơ, trấn thủ Hà Tiên như cũ. Năm 1807, được vua sai đi công cán qua Xiêm, năm sau thì mất.

Mạc Công Bính, năm 1788, được Nguyễn Ánh phong làm Long Xuyên lưu thủ, không bao lâu thì chết.

Mạc Công Du, năm Gia Long thứ 6 được làm Cai đội, sau đó được giao quyền lĩnh việc trấn Hà Tiên. Năm sau bị giáng chức nghị tội vì đã đem vợ lẽ của Đô thống chế Phạm Văn Triệu bán cho người nước Xiêm. Năm Gia Long thứ 12 (1813) vua cho làm Ất phó sứ đi Xiêm. Năm Gia Long thứ 16 (1817), được thăng Hiệp trấn Hà Tiên, năm thứ 17 (1818), thăng Trấn thủ Hà Tiên.

Mạc Công Thế, Mạc Công Tài, khi Tử Thiêm chết, Công Du lại đang bị nghị tội, hai người tuổi còn nhỏ, chưa phong chức được nên cho ấm thụ chức Cai đội để giữ việc thờ cúng họ Mạc và cấp cho 53 người coi mồ mả. Năm Minh Mạng thứ 11 (1830), Công Tài được cử làm Hà Tiên thủ quân thủ.

Mạc Hầu Hi, Hầu Diệu là con của Công Du và Công Tài, vì cả bốn cha con đều nhận quan chức của Lê Văn Khôi khi Khôi nổi dậy chiếm thành Phiên An, chống lại triều đình. Về sau, khi triều đình dẹp xong Khôi, việc này bị phác giác. Minh Mạng sắc sai bắt về kinh tra hỏi. Công Du, Công Tài sợ tội, ốm chết, Con là Hầu Hi, Hầu Diệu đều bị giam vào ngục ở kinh. Sau đó tha cho Hầu Diệu, sai đi trinh thám nước Xiêm, lâu không thấy về. Lại tha Hầu Hi cho đi vùng thượng ở Nghệ an trinh thám, trở về, đau bệnh mà chết. Còn Mạc Hầu Phong chỉ là dân thường.

Đời Mạc Bá Bình, Bá Thành lại được phong chức cai đội tập ấm.

Đời Mạc Bá Khâm không thấy ghi quan tước hay tập ấm, chắc chỉ làm dân thường.

Các tài liệu còn ghi việc triều đình cho xã Mỹ Đức thờ cúng họ Mạc. Theo Đông Hồ Lâm Tấn Phác, người dịch khảo Hà Tiên Mạc Thị sử của Vũ Thế Dinh thì "Lăng họ Mạc hiện còn mấy ngôi lớn ở núi Bình San, làng Mỹ Đức, tỉnh Hà Tiên; còn thiếu sót mấy ngôi mộ của các con cháu chưa tìm thấy đủ. Có đến thờ là Trung Nghĩa từ, dân Hà Tiên thờ làm Phúc thần; có 12 đạo sắc truy phong của 3 vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức và triều đình có nghị cấp cho một sở Phong Ngạn (rừng ong) ở làng Dương Hoà, tổng Thanh Di để làm đất hương hoả đời đời" [2].

Đáng lưu ý là việc Hầu Hi, Hầu Diệu là con của Công Du và Công Tài đã nhận quan chức của Lê Văn Khôi, vốn đây là một trọng tội đối với triều Nguyễn. Tuy nhiên, triều đình cũng đã xét xử nhẹ nhàng, không truy giết cả họ tộc, không rút sắc bằng phong tước, không san bằng lăng mộ tổ tiên. Đây là sự nể nang và cũng là một ân sủng rất lớn, nhất là đối với vua Minh Mạng, một hoàng đế Việt Nam nổi tiếng là cứng rắn và khắc nghiệt của triều Nguyễn.

Đến năm Minh Mạng thứ 11 (1830), nhân có tấu trình của Gia Định về lệ định 53 người mộ phu của Thiên Tứ mà Gia Long đã gia ân cho họ Mạc năm 1809, Minh Mạng đã chỉ thị cho bộ Binh rằng: "...Mạc Thiên Tứ ở lúc mở mang cũng có chút công khó nhọc; thuộc hạ 53 người cho làm mộ phu cũng là thương bọn họ cùng chung hoạn nạn với Thiên Tứ mà thôi, chứ không phải lấy số đó làm định ngạch. Vậy hạ lệnh từ nay lấy 5 người làm định ngạch, ai là ngạch cũ còn lại thì cứ để nguyên, còn những người mộ thêm đều tước ngạch về làng..." [3]. Với sự kiện này, triều Nguyễn mà cụ thể là Minh Mạng đã thực hiện xong động tác cuối cùng của việc chuẩn định ân sủng đối với họ Mạc của Hà Tiên. Các đời vua sau của triều Nguyễn vẫn giữ theo lệ định từ thời Minh Mạng. Riêng Tự Đức có gia phong cho Mạc Văn Phong như đã nói ở trên.

---

[2] Đông Hồ Lâm Tấn Phác (1929), "Hà Tiên Mạc Thị sử", *Nam Phong* số 107, năm 1926 (tr.31-47) và số 143 năm 129, tr. 342.

[3] Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1962), *Đại Nam Thực Lục*, Tổ Phiên dịch Sử học, NXB.Sử học Hà Nội. Tập 10, tr. 86

Tóm lại với dòng dõi họ Mạc, một họ tộc Minh Hương tiêu biểu, các vua triều Nguyễn đều rất quan tâm với nhiều ân sủng. Sự quan tâm đó khá đậm đà thời Gia Long và chuẩn định từ thời Minh Mạng.

Huỳnh Ngọc Đáng

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Đông Hồ Lâm Tấn Phác (1929), "Hà Tiên Mạc Thị sử", *Nam Phong* số 107, năm 1926 (tr.31-47) và số 143 năm 129, tr. 322-343.
2. Trương Minh Đạt (2001), "Họ Mạc trong thời kỳ đầu khai sáng đất Hà Tiên", *Nghiên cứu lịch sử*, số 2(315), tr. 8-15.
3. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1962), *Đại Nam Thực Lục*, Tổ Phiên dịch Sử học, NXB.Sử học Hà Nội
4. Trần Kinh Hoà (1958), "Họ Mạc và chúa Nguyễn tại Hà Tiên", *Văn hoá A Châu*, số 70, 71, Sài Gòn, tr. 30-38